TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 3 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xươnne.

2. Bà Lê Thị Diễm Huyền.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 54/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà M. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông T. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà M trình bày: Vào năm 2011, bà M và ông T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/8/2013. Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau 01 người con chung là cháu K sinh ngày 29/3/2012, cháu K hiện đang sống với bà M. Do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên sống chung thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc.

Nay bà M nhận thấy vợ chồng không còn duyên nợ, hôn nhân không tồn tại được nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Bà M yêu cầu được ly hôn với ông T.

+ Về con chung: Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu K đến tuổi trưởng thành; không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, bà M không yêu cầu giải quyết.

Do bà M bận rất nhiều công việc không có thời gian để đến Tòa án tham gia tố tụng được, nên bà M xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án, bà M cam đoan sẽ không thay đổi các lời khai đã cung cấp cho Tòa án, sẽ không có ý kiến gì khác và không khiếu nại gì về sau.

- *Bị đơn ông T:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

- *Tại biên bản lấy lời khai con chung ngày 22/01/2021, cháu K trình bày:* Bà M và ông T là cha mẹ ruột của cháu K. Hiện nay, cháu K đang sống với bà M. Nếu bà M và ông T ly hôn thì nguyện vọng của cháu K được sống chung với bà M. Ngoài ra, cháu K không còn ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà M vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt thì bà M vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, về hôn nhân, bà M yêu cầu được ly hôn với ông T; về con chung, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu K sinh ngày 29/3/2012, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung, bà M trình bày không có và không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông T là bị đơn, có địa chỉ thường trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà M vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông T là những người có đủ điều kiện kết hôn, hai người đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/8/2013, nên quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, bà M trình bày trong quá trình chung sống giữa bà M và ông T có sự bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, do nhận thấy không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông T. Tại Biên bản xác minh ngày 18/02/2021, bà L (là mẹ ruột của ông T và là mẹ chồng của bà M) xác nhận: Việc bà M khởi kiện ra Tòa án yêu cầu được ly hôn với ông T thì ông T biết rõ nhưng ông T nói là sẽ gặp bà M để hàn gắn tình cảm vợ chồng và động viên bà M rút đơn khởi kiện, chứ ông T không đến Tòa án tham gia tố tụng được vì ông T bận đi làm Công ty không thể xin nghỉ; giữa bà M và ông T có mâu thuẫn với nhau nhưng mâu thuẫn về vấn đề cụ thể gì thì không rõ, chỉ thấy hai người thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau; bà Luận và những người thân thích khác có khuyên nhủ nhiều lần nhưng bà M và ông T không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và bà M vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông T; hiện nay bà M và ông T ở riêng chứ không sống cùng nhau, hai người đã sống ly thân với nhau từ rất lâu; cháu K đang sống cùng với bà M. Lời trình bày của bà Luận cho thấy việc giữa bà M và ông T có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng theo như lời trình bày của bà M là sự việc có thật, do không khắc phục được mâu thuẫn vợ chồng nên hai người đã sống ly thân với nhau từ rất lâu; mặc dù mẹ ông T và những người thân thích khác có khuyên nhủ bà M và ông T nhưng hai người không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù ông T biết được việc bà M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T nhưng trong những lần Tòa án mời hòa giải thì ông T đều vắng mặt, từ đó mà Tòa án đã không tiến hành hòa giải được; giữa bà M và ông T cũng không tìm ra được cách thức để hàn gắn tình cảm và khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng có thể đoàn tụ với nhau.

[5] Như vậy, việc bà M và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau từ rất lâu, mỗi người sống ở một nơi và không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cũng như thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác của vợ chồng, mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên nhủ và Tòa án hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không hàn gắn được cho thấy quan hệ hôn nhân giữa hai người đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hiện nay, bà M vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông T. Vì vậy, việc bà M yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và giải quyết cho bà M được ly hôn với ông T.

[6] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà M và ông T có với nhau 01 người con chung là cháu K sinh ngày 29/3/2012. Hiện nay, cháu K đang sống cùng với bà M và do bà M trực tiếp nuôi dưỡng; bà M có đủ khả năng để trực tiếp nuôi dưỡng cháu K; cháu K cũng có nguyện vọng được sống chung với bà M; việc tiếp tục giao cháu K cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu K và trên cơ sở xem xét nguyện vọng của cháu K, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K của bà M và giải quyết giao cháu K cho bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K, không ai được cản trở ông T thực hiện các quyền này. Ông T không được lạm dụng việc thăm nom cháu K để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K của bà M. Trường hợp ông T có các hành vi này thì bà M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom cháu K của ông T. Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi con có thể được Tòa án quyết định thay đổi theo quy định của pháp luật.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi cháu K, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Bà M không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bà M phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền 300.000đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà M được ly hôn với ông T. *(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 161, quyển số: 01, ngày đăng ký: 12/8/2013, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp)*

1.2. Về con chung: Giao con chung là cháu K sinh ngày 29/3/2012 cho bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K, không ai được cản trở ông T thực hiện các quyền này.

- Ông T không được lạm dụng việc thăm nom cháu K để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K của bà M. Trường hợp ông T có các hành vi này thì bà M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom cháu K của ông T theo quy định của pháp luật.

- Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi cháu K có thể được Tòa án quyết định thay đổi theo quy định của pháp luật.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi cháu K, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà M trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

1.5. Về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Bà M không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà M phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà M đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008745, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà M đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (02);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- UBND xã B (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt